

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+TD2+TTc1	7:25	5+17+0	0+0+0		4+15+3	0+0+0	
2		PVD8	7:25	21	0		22	0	
3		P2+BK4+CTK3	7:25	5+0+17	0+0+0		0+1+21	0+0+0	chuyen 2 P2- ctk3
4		MRM+VSP01	9:25	19+1	0+0		16+6	0+0	
5		PVD8+MRM	9:25	15+5	0+0		14+6	0+0	
6		P11+BK10+P6	9:25	21+0+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
7		BK6+CTK3+BK3	11:25	8+10+3	0+0+0		0+14+5	0+0+0	
8		CNV+P8+AMD	11:25	12+2+6	0+0+0		10+0+6	0+0+0	
9		CTK3+BK14+BK9	11:25	3+16+1	0+0+0		4+12+4	0+0+0	chuyen 1 ctk3- bk14
10		C10+BK5+P3	13:25	20+1+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK9 - TD2 - TTC1	CREW: KHOÀN - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3911	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG HOANG ANH	BK9	08	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
2	NOVIKOV A.	BK9	07	1	2			99	ANTOAN	Russian
3	VÕ THẾ HẬU	BK9	05	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	06	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN HAI	TD2	27	1	2			87	KHOAN	Vietnamese
6	GONCHAROV SERGEY	TD2	10	1	11			95	KHOAN	Russian
7	HOANG VAN BAC	TD2						76	KHOAN	Vietnamese
8	LY ANH TUAN	TD2	12	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC ĐOAN	TD2	21-22	2	9			57	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN HUNG HUNG	TD2	23	1	10			94	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HUY	TD2	19-20	2	9			72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN SY HIEU	TD2	15	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ VĂN NGHỊ	TD2	24-25	2	12			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TINH	TD2	26	1	7			64	ĐANG KIEM	Vietnamese
15	LÊ XUAN HAI	TD2	13-14	2	18			75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VINH TINH	TD2	17-18	2	7			53	KHOAN	Vietnamese
17	CAO VAN LỢI	TD2	16	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
18	NGO KIM NGHIEP	TD2	28	1	13	4	42	81	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TRANG	TD2	21	1	13	1	20	63	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM THẾ VIỆT	TD2	30	1	12			70	CODIEN	Vietnamese
21	VÕ THANH NHẬT	TD2	11	1	6			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	4	334	4	24	0	0	4		
2	TD2	17	1.255	21	145	5	62	15		
3	TTC1	0	0	0	0	2	30	3		
TOTAL		21	1.589	25	169	7	92	22		
WEIGHT KG			1.589		169		92			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: PVD8	CREW: HUNG - TTRUNG - TÚ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3918	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG KIM SON	PVD8	61	1	8	1	10	67	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THỜI	PVD8	67	1	10			66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN HIỆU	PVD8	48-50	3	20			51	PVD LOGGI	Vietnamese
4	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	PVD8	72	1	13			79	XN ĐỊA VẠ	Vietnamese
5	LÊ HOÀI THIÊN	PVD8	68	1	14			78	XN ĐỊA VẠ	Vietnamese
6	PHAN VINH TRƯỜNG	PVD8	70	1	13			70	XN ĐỊA VẠ	Vietnamese
7	HOANG BA THĂNG	PVD8	66	1	16			60	XN ĐỊA VẠ	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU VIỆT	PVD8	71	1	15			62	XN ĐỊA VẠ	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỆU	PVD8	73	1	13			87	XN ĐỊA VẠ	Vietnamese
10	ĐÀO VĂN YẾN	PVD8	69	1	12			62	XN ĐỊA VẠ	Vietnamese
11	BART JOHANNES KOK	PVD8	52-53	2	15			102	PVD DD	Holland
12	STEPHEN GARETH BARTLEY	PVD8	46	1	16			101	PVD DD	British
13	NGUYỄN VĂN HUAN	PVD8	47	1	9			77	PVD DD	Vietnamese
14	TÔ BƯU DÂN	PVD8	59-60	2	10			69	INTL.SOS	Vietnamese
15	PHẠM TRỌNG HÙNG	PVD8	63	1	7			72	PVDO	Vietnamese
16	BUI NGOC TU	PVD8	54-55	2	13			59	PVDO	Vietnamese
17	BUI XUAN KHOA	PVD8	62	1	10			58	PVDO	Vietnamese
18	ĐAM NGOC TUAN ANH	PVD8	51	1	10			68	PVDO	Vietnamese
19	VÔ VĂN CHINH	PVD8	56-57	2	12			70	PVDO	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC HUY	PVD8	64-65	2	15			58	PSV	Vietnamese
21	ĐÀO VĂN TIÊN	PVD8	58	1	10			62	PSV	Vietnamese
22	LE PHAM MINH QUAN	PVD8						75	VNHS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	22	1.553	28	261	1	10	22		
TOTAL		22	1.553	28	261	1	10	22		
WEIGHT KG			1.553		261		10			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:MRM - VSP01	CREW: KHOÀN - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3912	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KOTIKOV ALEXEY	MRM	52-53	2	15			110	AMNGR	Russian
2	CHIRKIN DANIL	MRM	57-58	2	15			67	AMNGR	Russian
3	HỒ XUÂN TUYẾN	MRM	40	1	11			76	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ VĂN RƠN	MRM	50	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HIỆU	MRM	49	1	14			82	KHOAN	Vietnamese
6	CAO THE TRONG	MRM	41-43	3	20			73	DMC-MI	Vietnamese
7	NGUYỄN DUC NGHIA	MRM	44-45	2	19			71	DMC-MI	Vietnamese
8	NGUYỄN SAY THAO	MRM	48	1	18			73	DMC-MI	Vietnamese
9	NAING LIN AUNG	MRM	46-47	2	17			91	DMC-MI	Myanmar
10	SYCHEV VALERII	MRM	67	1	17			94	AMNGR	Russian
11	BOYCHUK VALERY	MRM	59-60	2	15			68	AMNGR	Russian
12	SHAKIN MIKHAIL	MRM	61-62	2	20			87	AMNGR	Russian
13	FILATOV SERGEY	MRM	51	1	13			113	AMNGR	Russian
14	CHAGOVETS ALEKSANDER	MRM	55	1	4	1	20	76	AMNGR	Russian
15	KVARTNIKOV ANTON	MRM	63-64	2	10			111	AMNGR	Russian
16	ZASTAVNYI VASILII	MRM	69-70	2	13			81	AMNGR	Russian
17	NIKULIN ALEXANDER	MRM	56	1	18			84	AMNGR	Russian
18	BREDIN IURII	MRM	65-66	2	14			101	AMNGR	Russian
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	78	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	18	1.536	29	258	1	20	16		
2	VSP01	1	76	1	6	0	0	6		
TOTAL		19	1.612	30	264	1	20	22		
WEIGHT KG			1.612		264		20			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P2 - BK4 - CTK3	CREW: VTHẮNG - N.ANH - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3915	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI LONG HUNG	P2	61	1	4			68	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC HIEN	P2	57	1	8	1	20	81	DUY LINH	Vietnamese
3	NGUYEN ANH ĐẠO	P2	58-60	3	19	3	17	72	DUY LINH	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG ĐÔNG	P2	62	1	15			74	DUY LINH	Vietnamese
5	NGUYEN ANH THẮNG	P2	55-56	2	20			57	DUY LINH	Vietnamese
6	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	33-34	2	7			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ĐỨC HUNG	CTK3	26	1	6			46	KH-THAC	Vietnamese
8	VU XUÂN TRỰC	CTK3	28	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TIEN DUNG	CTK3	25	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH NHỎ HOANG	CTK3	31	1	7			91	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	30	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VĂN DOANH	CTK3	37-38	2	17	1	15	64	YTE	Vietnamese
13	LÊ CÔNG AN	CTK3						67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO VĂN TRI	CTK3	36	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG PHÚC THẮNG	CTK3	35	1	4			87	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	24	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	22	1	8			87	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	27	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	39	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	23	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DANH TUẤN	CTK3	21	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MẠNH PHÚC	CTK3	29	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	5	352	8	66	4	37	0	2	CHUYEN 02 PAX TU P2 - CTK3
2	BK4	0	0	0	0	1	20	1		
3	CTK3	17	1.149	18	107	1	15	21		
TOTAL		22	1.501	26	173	6	72	22		
WEIGHT KG			1.501		173		72			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: PVD8 - MRM	CREW: HÙNG - TTRUNG - TÚ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3919	

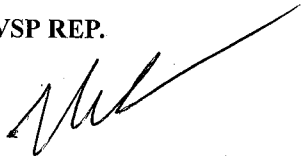
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VƯƠNG ĐỨC HUY	PVD8	81	1	17			96	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN ANH	PVD8	85	1	14			82	PVDWS	Vietnamese
3	ĐO ĐỨC NGỌC	PVD8	84	1	6			75	PVDWS	Vietnamese
4	HOANG TUNG	PVD8	92	1	4			63	PVDWS	Vietnamese
5	DƯƠNG MẠNH QUYẾT	PVD8	83	1	9			85	PVDWS	Vietnamese
6	LÊ HOÀI NAM	PVD8	90	1	10			62	PVDWS	Vietnamese
7	LÊ HỒNG VƯƠNG	PVD8	93	1	6			70	PVDO	Vietnamese
8	QUÁCH VĂN THẮNG	PVD8	91	1	6			69	PVDO	Vietnamese
9	PHẠM VĂN KHAI	PVD8	87	1	6			88	PVDO	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN AN	PVD8	88	1	10			75	PVDO	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN CÔNG	PVD8	89	1	9			58	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	PVD8	82-83	2	17			67	HALLIBUR	Vietnamese
13	LÊ HỮU THẮNG	PVD8	79-80	2	12			70	NHATHAU	Vietnamese
14	NGUYỄN NHÀ TUÂN	PVD8	76	1	9	3	14	68	NHATHAU	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN QUANG	PVD8	94-96	3	15	2	10	62	NHATHAU	Vietnamese
16	KOROL YURIY	MRM	52	1	14			84	AMNGR	Russian
17	LƯU TIẾN TÔI	MRM	54	1	8			60	AMNGR	Vietnamese
18	PHẠM THANH HÀ	MRM	53	1	8			65	AMNGR	Vietnamese
19	DƯƠNG TRUNG KIẾN	MRM	56	1	11			57	DVL	Vietnamese
20	TRẦN BA ĐỨC	MRM	57	1	15			92	DVL	Vietnamese
21	ĐO TIẾN DUNG	MRM	55	1	7			54	DIEU HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	15	1.090	19	150	5	24	15		
2	MRM	6	412	6	63	0	0	6		
TOTAL		21	1.502	25	213	5	24	21		
WEIGHT KG			1.502		213		24			

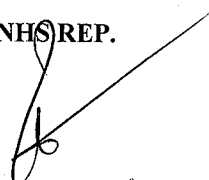
GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.



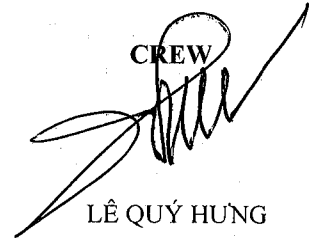
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.



HOÀNG THỊ THỦY

CREW



LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P11 - BK10 - P6	CREW: VTHẮNG - N.ANH - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3916	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	FIRSOV EVGENII	P11	13	1	9			108	KHOAN	Russian
2	NGUYEN TAT THANH	P11	12	1	7			58	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN BÌNH	P11	14-15	2	15			76	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY LINH	P11	21	1	6			96	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN PHAN	P11	23	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P11	18-19	2	10			58	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC LAN	P11	20	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ THANH NGỌC	P11	16	1	12			58	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VĂN DUNG	P11	11	1	13			67	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VĂN TRUÔNG	P11	08-09	2	10			83	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THAI DUONG	P11				1	20	66	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC THANH	P11	22	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUỐC TUAN	P11	17	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DANH TRUNG	P11	24-25	2	14			70	CODIEN	Vietnamese
15	LÊ NGỌC HIỆP	P11	26	1	5	2	19	78	CODIEN	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH HÀ	P11	04-05	2	13			66	TRUÔNG V	Vietnamese
17	TRUÔNG VĂN HUÂN	P11	03	1	13			64	TRUÔNG V	Vietnamese
18	LÊ DUY TRUÔNG	P11	10	1	12			74	TRUÔNG V	Vietnamese
19	ĐỖ ĐÌNH TRUÔNG	P11	01-02	2	17			58	TRUÔNG V	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN QUÂN	P11	07	1	11			70	TRUÔNG V	Vietnamese
21	VŨ TẤN TÀI	P11	06	1	10			76	TRUÔNG V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	21	1.515	26	200	3	39	18		
2	BK10	0	0	0	0	1	8	2		
3	P6	0	0	0	0	3	55	2		
TOTAL		21	1.515	26	200	7	102	22		
WEIGHT KG			1.515		200		102			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK6 - CTK3 - BK3	CREW: DƯƠNG - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3913	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ VĂN ĐỊNH	BK6	84	1	12			71	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN PHI BĂNG	BK6	33	1	12	1	16	68	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK6	27-28	2	12			76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	BK6	31-32	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN MẠNH	BK6	86	1	12	2	40	68	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ BĂNG	BK6	29-30	2	17			56	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN DƯƠNG	BK6	35,85	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN NHÂN	BK6	86-87	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	15	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ THANH HÀ	CTK3	19	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG MẠNH PHI	CTK3	10-11	2	9			81	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG TIẾN	CTK3	20	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG DU KHANH	CTK3	18	1	16			75	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC GIAO	CTK3	16	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	12	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN KHÁC THẮNG	CTK3	17	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	CTK3	13-14	2	8			64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRI TÍN	CTK3						80	VNHS	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HIỆN	CTK3	08	1	4			66	HVJOC	Vietnamese
20	BÙI CHÍ LINH	BK3	31-32	2	12			64	NAM TIEN	Vietnamese
21	TRƯƠNG KIM TRƯỜNG	BK3	28-29	2	12			79	NAM TIEN	Vietnamese
22	PHAN VĂN ỨT	BK3	30	1	6			64	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	8	551	13	120	3	56	0		
2	CTK3	11	796	12	87	0	0	16		
3	BK3	3	207	5	30	0	0	5		
TOTAL		22	1.554	30	237	3	56	21		
WEIGHT KG			1.554		237		56			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: CNV - P8 - AMD	CREW: VTHANG - MTHAO - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3917	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	32	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	34	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VŨ HOÀNG	CNV	41-42	2	11			79	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG HUY	CNV	40	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CNV	35-36	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
6	PHÙNG VĂN KHÁNH	CNV	33	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH ĐIỆP	CNV	47	1	8			76	CODIEN	Vietnamese
8	HOÀNG QUỐC HUY	CNV	46	1	3	4	51	93	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MINH	CNV	45	1	12			84	T-TIN	Vietnamese
10	TRẦN BẢO CHUÔNG	CNV	43	1	15	1	8	69	T-TIN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	CNV	37-38	2	16			61	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG TẤN NGHĨA	CNV	39	1	6			66	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THỪA THẠI	P8	68	1	9	3	36	65	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG THANH	P8	69	1	8			69	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CHIÊN	AMD	17-18	2	14			81	ABS	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HIỆU	AMD	19	1	7			61	VR	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	20	1	7			63	PSV	Vietnamese
18	DINH VĂN QUANG	AMD	09-10	2	12	4	19	60	PHATECO	Vietnamese
19	LE VIỆT QUỐC HUY	AMD	15-16	2	17			69	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CNV	12	859	15	108	5	59	10		
2	P8	2	134	2	17	3	36	2		
3	AMD	5	334	8	57	4	19	6		
TOTAL		19	1.327	25	182	12	114	18		
WEIGHT KG			1.327		182		114			

GRAND TOAL: 1.623 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: VANG-3	TO:CTK3 - BK14 - BK9	CREW: HUNG - NPHU - TU	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: MI		VNHS FLIGHT: TM25/3920	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU QUANG HAI	CTK3	07	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NAM	CTK3	09	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	06	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THANH TAI	BK14	91-92	2	19			78	KH-THAC	Vietnamese
5	LE ANH TUAN (17373)	BK14	54	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN QUANG TUAN	BK14	49	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG NGUYEN	BK14	90	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
8	LE MINH DUC	BK14	53	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HONG MINH	BK14	93	1	10			94	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NHAN KHANH	BK14	95	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET LONG	BK14	51-52	2	15			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THIN	BK14	50	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN BA LINH	BK14	55-56	2	20			64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM DUY PHUC	BK14	57-58	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese
15	BELYAEV S.	BK14	89	1	15			82	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN QUOC KHOI	BK14	48,99	2	19			67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUOC HUNG	BK14	96	1	14	2	35	94	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRUNG	BK14	95	1	15			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NINH VAN SON	BK14	97-98	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN VAN NGUYEN	BK9	76	1	5			71	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN HA	BK9						72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	3	212	3	26	0	0	2		CHUYEN 1 PAX CTK3-BK14
2	BK14	16	1.230	22	199	2	35	12		
3	BK9	2	143	1	5	0	0	4		
TOTAL		21	1.585	26	230	2	35	18		
WEIGHT KG			1.585		230		35			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: NAU-4	TO: CLO - BK5 - P3	CREW: DƯƠNG - N.CƯƠNG - THỤ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3914	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	CLO	97	1	8	1	18	67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN SƠN	CLO	85	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ XUÂN THANH	CLO	83-84	2	17			67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG VĂN HAI	CLO	90-91	2	14			79	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯỜNG QUỐC BẢO	CLO	36-37	2	6			58	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGỌC SANG	CLO	87	1	12			53	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỒNG HOÀNG ĐỨC	CLO	98	1	15			71	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG KHAC CUONG	CLO	82	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
9	LE VAN TUNG	CLO	88-89	2	10			56	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM MINH TRUNG	CLO	38	1	13			82	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN MINH	CLO	95-96	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN DANH LUẬT	CLO	80-81	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN NAM	CLO	93-94	2	19			81	XAYLAP	Vietnamese
14	HÒA QUANG THẮNG	CLO	33-34	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ HOÀNG TIỀN	CLO	79	1	18			78	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN THANH QUANG	CLO	32	1	11			72	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN DÂN	CLO	86	1	5			61	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY KHANH	CLO	92	1	13			69	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐOÀN HOÀNG SƠN	CLO	35	1	15			100	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KIẾN	CLO	39	1	13			61	PSV	Vietnamese
21	HỒ QUANG HIỆP	BK5	49-50	2	11	1	18	66	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	20	1.394	28	258	1	18	14		
2	BK5	1	66	2	11	1	18	0		
3	P3	0	0	0	0	2	22	8		
TOTAL		21	1.460	30	269	4	58	22		
WEIGHT KG			1.460		269		58			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯƠNG

